

# GIAO TIẾP LIÊN VĂN HOÁ - NỀN TẢNG QUAN HỆ ĐỨC - VIỆT NAM

Vincent J.H. Houben<sup>(\*)</sup>

## 1. Dẫn nhập

Trong những năm 2000 đến 2002 một nhóm nghiên cứu của trường Đại học Passau (CHLB Đức), trong đó có tôi, lúc ấy là giáo sư nghiên cứu Đông Nam Á, dựa trên những ví dụ đã triển khai ở Indonesia và Singapore, đã tiến hành một dự án nghiên cứu về văn hoá kinh tế và hợp tác kinh tế ở Đông Nam Á. Dự án này gắn với nhóm nghiên cứu Bayern về Areastudies (FORAREA). Kết quả nghiên cứu công trình này được tóm tắt trong công trình của Kopp[6].

Mục đích chính của công trình nghiên cứu trên là phân tích, xem xét những xung đột văn hoá có thể xảy ra khi các nhà doanh nghiệp nhỏ của Đức và của Indonesia cũng như Singapore có quan hệ kinh doanh với nhau. Chúng tôi đã tiến hành các cuộc phỏng vấn với cả hai bên nhằm tìm hiểu cách nhìn nhận vấn đề của cả hai phía. Đối với Indonesia sẽ nảy sinh vấn đề nếu hai bên không thoả thuận được với nhau về những mục tiêu chính của hợp tác, nếu không phân công rõ ràng về những lĩnh vực mà mỗi bên chịu trách nhiệm, trong khi phía Indonesia muốn sử dụng hết lợi nhuận thì phía Đức lại muốn tái đầu tư khoản lợi nhuận này. Trong giao tiếp, thường phía Đức không được thông báo về những khó khăn và những vấn đề đang nảy sinh. Ngược lại, người Indonesia lại khó chịu khi thấy đối tác người Đức phê

phán trực tiếp, thẳng thắn và coi đó là sự chỉ trích đối với bản thân mình. Trong cách đặt vấn đề, chúng tôi chia làm ba cấp độ có thể xảy ra tranh chấp: tranh chấp về những vấn đề cơ bản (chiến lược), tranh chấp ở cấp thực hiện và tranh chấp ở cấp giao tiếp. Văn hoá kinh doanh trong cả ba cấp này nói chung đều xuất phát từ những khuynh hướng có tính định kiến (Prédispositionen) về văn hoá, điều này có một vai trò quan trọng. Về phía Indonesia, đặc biệt ở những người Indonesia gốc Hoa thường nặng về cái trước mắt và rất nhạy cảm về sự bình đẳng với đối tác kinh doanh, điều này xuất phát từ sự lo ngại trước chủ nghĩa thực dân mới về kinh tế và từ sự ác cảm rõ rệt trước sự kiêu ngạo của phương Tây. Chia khoá để đạt đến thành công là - chí ít là đối với phía Indonesia - cần tạo ra sự tin tưởng, dựa trên mối quan hệ cá nhân. Trong khi đó sự tin tưởng đối với phía Đức cũng quan trọng, nhưng nó lại liên quan nhiều đến những yếu tố không dính dáng đến cá nhân như sự bảo đảm an toàn đối với đối tác kinh doanh và chất lượng sản phẩm.

Về mối quan hệ qua lại trong kinh doanh, do Singapore gắn gũi với phương Tây hơn nên cũng có ít trục trặc hơn, tuy vậy vẫn có những điểm gây tranh chấp. Người Đức thiên về thực hiện những điều đã cam kết trong hợp đồng, vì họ quan niệm đây là kết quả cũng như sự kết thúc một quá trình đàm phán, thương lượng. Trong khi đó người Singapore lại muốn thảo luận lại hợp đồng, một khi sự hợp tác

<sup>(\*)</sup> GS TS, Trường Đại học Tổng hợp Humboldt (Berlin - CHLB Đức)

không tiến triển được. Ngoài ra người Singapore cũng khó chịu khi bị phê phán trực tiếp vì coi đó là bị mất thể diện. Trong vấn đề xây dựng kế hoạch lâu dài cũng thường tiềm ẩn các yếu tố có thể gây tranh chấp, mặc dù những kế hoạch dài hạn này do nhà nước đề ra nhưng có lẽ những quy hoạch dài hạn đó ít có tính ràng buộc đối với sự kinh doanh của người Singapore [9].

Trong quan hệ hợp tác giữa Đức và Việt Nam, dù trên lĩnh vực kinh tế, chính trị hay văn hoá cũng có những vấn đề khó khăn nảy sinh từ giao tiếp liên văn hoá. Tôi nghĩ rằng những sự khác nhau mà tôi đã nêu trong những ví dụ điển hình đối với Indonesia và Singapore ít nhiều cũng có ý nghĩa trong quan hệ hợp tác với Việt Nam. Sự khác nhau giữa các nền văn hoá thấm sâu trong lòng con người - nó phản ánh sự cảm nhận thực tiễn khác nhau, nảy sinh trên một bình diện rộng lớn gồm các khía cạnh như quan niệm về thời gian, thái độ đối với quan hệ xã hội, những hình mẫu khác nhau về quyền lực, các yếu tố động viên kích thích cá nhân và hình thức giao tiếp.

Trong tham luận của mình tôi muốn trước hết trình bày một số quan niệm cơ bản cơ bản về khái niệm "văn hoá", những khác nhau về văn hoá và giao tiếp liên văn hoá. Cuối bản tham luận tôi sẽ đề cập đến một số vấn đề về ngôn ngữ có ý nghĩa quan trọng đối với quan hệ Đức - Việt.

## 2. Về văn hoá và các tiêu chuẩn văn hoá (\*)

Để xác định đúng vị trí của giao tiếp liên văn hoá, chúng ta cần có một định

nghĩa về khái niệm văn hoá. Nhưng văn hoá lại là một khái niệm hết sức rộng, với thời gian các bộ môn khác nhau đã có tới hàng trăm định nghĩa về khái niệm này. Đối với phương Tây khái niệm "văn hoá (kultur)" có gốc từ tiếng La tinh "cultura", có nghĩa như "trồng trọt gieo cấy" và nó bao hàm nội dung diện tích trồng trọt và sự sử dụng cái mà người nông dân gieo trồng là do người đó tự quyết định. Trong lịch sử quá trình phát triển ở châu Âu, dần dần khái niệm "văn hoá" gắn với sự hình thành trí tuệ. Từ văn hoá trong tiếng Trung Quốc là "bunka", có nghĩa là "gió" với nội dung vận động và chuyển giao tư tưởng và thực tiễn. Trong tiếng Indonesia từ "budaya" bao hàm nhiều ý nghĩa như lý trí, khai hoá, nền văn minh nhưng cũng có nghĩa là phong tục, tập quán. Từ đó ta thấy các nền văn hoá khác nhau tuy cùng có chung một nội dung về văn hoá, nhưng cái nội dung đó lại bao hàm nhiều ý nghĩa khác nhau.

Khoa học văn hoá đương đại hiện đang được giảng dạy tại các trường đại học ở châu Âu, văn hoá đã trở thành một khái niệm hết sức năng động. Văn hoá không còn là một bộ khung cứng nhắc bao gồm những tiêu chuẩn và giá trị tạo nên những ý nghĩa và mô thức đối với hành vi, thái độ của con người thuộc một nhóm người hoặc một quốc gia nhất định. Với thời gian, văn hoá luôn biến đổi, thường xuyên được xem xét lại theo quan điểm triết học và được tái tạo, văn hoá không phải là một khái niệm cứng nhắc và đồng nhất. Có lẽ các nhà nhân chủng học văn hoá đã có một định nghĩa đầy đủ nhất về văn hoá. Trong luận văn tiến sĩ về giao tiếp liên văn hoá giữa người Đức và Indonesia sắp được công bố của mình, Claudia Ruppert đã sử dụng

(\*) Phần này dựa chủ yếu vào tài liệu trong luận án tiến sĩ của Claudia Ruppert, hiện đang là nghiên cứu sinh dưới sự hướng dẫn của tôi

định nghĩa khái niệm văn hoá dựa trên cơ sở những công trình nghiên cứu của Kroeber, Kluckhohn, Geertz và Alexander Thomas: Văn hoá là một hệ thống định hướng đặc biệt của một nhóm người hay một xã hội, hệ thống này tác động vào tư duy và hành động cũng như có ý nghĩa đối với các thành viên nói trên [1, 2, 4, 5]. Văn hoá bao gồm những Grundpraedispositionen phát sinh trong lịch sử, phản ánh qua giá trị và tiêu chuẩn của xã hội và nó sẽ nổi bật thông qua những biểu thị vật chất hoặc phi vật chất. Các Prodispositionen văn hoá hình thành như những phản ứng đối với những vấn đề mang tính tổng quát (universel) và những đòi hỏi cơ bản trong việc tổ chức cuộc sống. Văn hoá rất năng động, liên tục biến đổi thậm chí có thể định nghĩa đây là một quá trình. Nó được chuyển giao thông qua quá trình xã hội hoá (Sozialisationsprozesse) trong nội bộ nhóm và qua đó xác định được thành phần của nhóm. Văn hoá gồm nhiều tầng lớp khác nhau, nó bao gồm từ những biểu thị bên ngoài cho đến những giá trị then chốt bên trong. Văn hoá không phản ánh một hệ thống khép kín mà thường xuyên tác động qua lại với các hệ thống văn hoá khác - vì thế về bản chất văn hoá luôn luôn không đồng nhất.

Theo Thomas thì mọi sự cảm nhận thực tế luôn gắn với một sự giải thích nhất định. Với thời gian mọi xã hội đều tạo ra cho mình một khuôn mẫu cho sự giải thích và hành vi nhất định của mình, cái đó có thể được coi là "tiêu chuẩn văn hoá". Điều đó giúp cho những thành viên của một nhóm định hướng được trong môi trường sống và tiêu chuẩn văn hoá đó cũng giúp các thành viên trong ứng xử. Sự cảm nhận và xử lý thông tin (*cognition*) và sự

đối chiếu, so sánh các kinh nghiệm (*attribution*) xét cho cùng chỉ là một. Tiêu chuẩn văn hoá bao gồm các hình thức tiếp nhận, tư duy, đối chiếu, so sánh và sự hành động, được đa số thành viên của một nền văn hoá nhất định đánh giá là bình thường, đương nhiên, phổ biến và có tính ràng buộc. Sự đánh giá về hành vi của mình hay của người khác được dựa trên cơ sở tiêu chuẩn văn hoá này. Tiêu chuẩn văn hoá được sử dụng trước hết trong việc "điều chỉnh" sự quan sát, đánh giá và hành động với nhau.

### 3. Sự giao tiếp liên văn hoá

Khi có sự đụng độ giữa những người đại diện các nền văn hoá khác nhau hay những người với những tiêu chuẩn văn hoá khác nhau, thì sự giao tiếp một cách thân thiện, rõ ràng khó có thể được bảo đảm. Nếu hai bên giải thích một tình huống hay một hành vi nhất định trên cơ sở định hướng văn hoá (*Praedispositionen*) của mình thì nhất định không tránh khỏi những sự hiểu lầm hay những trục trặc trong giao tiếp. Vì thế hai bên cần có sự thông cảm với những khía cạnh quan trọng nhất trong hệ thống văn hoá của phía bên kia.

Nhà ngôn ngữ học Knapp và Potthoff định nghĩa giao tiếp liên văn hoá như sau: giao tiếp liên văn hoá là tác động qua lại giữa con người thuộc các nhóm khác nhau những con người này khác nhau bởi nhận thức nội tại (*internes Wissen*) và hành động tương trưng thể hiện qua hình thức ngôn ngữ [8]. Ngôn ngữ có một vai trò hết sức quan trọng trong giao tiếp liên văn hoá, vì ngôn ngữ không phải chỉ là một phương tiện để thể hiện những suy nghĩ nhất định mà còn quyết định đến các

thức và nội dung quan sát của con người và sự cảm nhận thực tế. Bối cảnh của một nền văn hoá nhất định không những chỉ phản ánh trong ngôn ngữ; bản thân ngôn ngữ ảnh hưởng đến quá trình tiếp thu nhận thức hoặc quá trình cảm nhận môi trường xung quanh. Người ta thậm chí từng lập luận rằng thế giới thực tại ít nhiều được tạo nên thông qua việc sử dụng ngôn ngữ của một tập thể xã hội nhất định.

Có hai dạng giao tiếp giữa con người với nhau - thông qua lời nói và không qua lời nói. Trong bất kỳ một cuộc trao đổi nào người ta cũng sử dụng những giao dịch ngôn ngữ (Sprechakte) dưới dạng những khẳng định, giả định và nghi vấn vv.... Cách thức thực hiện các giao dịch ngôn ngữ này phản ánh sự khác nhau giữa các nền văn hoá. Giao tiếp không dùng lời (Non-verbal) thể hiện qua biểu cảm trên khuôn mặt, qua cử chỉ điệu bộ, qua ánh mắt, động tác của cơ thể vv... cũng mang đặc trưng văn hoá riêng. Vì thế cho nên trong quan hệ giữa con người với nhau, hình thức này rất dễ dẫn đến hiểu nhầm, ngộ nhận.

Phong cách giao tiếp khác nhau rất nhiều - lệ thuộc nhiều vào phong văn hoá. Mức độ trực diện trong giao dịch ngôn ngữ, khối lượng từ ngữ sử dụng nhiều hay ít cũng như mức độ về hình thức đều lệ thuộc vào sự khác nhau về văn hoá.

Trên lý thuyết có 5 khả năng để đối xử với những sự khác nhau về văn hoá: sự áp đặt về văn hoá (áp đặt về những giá trị của mình), sự thích ứng về văn hoá (tiếp nhận những chiến lược văn hoá khác), sự hoà hiệp về văn hoá (hai bên cùng xúc tiến trong những tình huống quan hệ liên văn hoá), sự phủ nhận về những khác biệt văn

hoá và những tiềm ẩn về xung đột và điều chỉnh về văn hoá là sự phối hợp những khía cạnh tốt nhất của hai nền văn hoá với nhau mà không vi phạm đến tiêu chuẩn của một trong hai nền văn hoá đó.

*Khi những người thuộc các nền văn hoá khác nhau hoạt động cùng nhau trong một giai đoạn dài, có thể hình thành cái gọi là "liên văn hoá" ở điểm tiếp cận giữa hai nền văn hoá. Một hệ thống định hướng mới hình thành có sự thoả thuận nhất trí với nhau, cũng được định nghĩa và trở thành một, tiêu chuẩn liên văn hoá. Đối với những hoạt động liên văn hoá thì việc có được, năng lực liên văn hoá là một đòi hỏi về trình độ có ý nghĩa then chốt. Điều này đòi hỏi người trong cuộc phải có khả năng ứng dụng một cách khéo léo trên cơ sở đã được thoả thuận hai hệ thống định hướng này để thực hiện những hoạt động trên phạm vi ranh giới giữa hai nền văn hoá. Có nhiều trình độ khác nhau về "năng lực liên văn hoá": về mặt tình cảm (sự nhạy cảm về văn hoá, trong đó bao hàm vấn đề có ý thức về sự khác nhau về văn hoá và có khả năng xử lý với những khác nhau đó), về nhận thức (có kiến thức về người khác và hiểu biết về họ) và về lý trí (có kỹ năng thực tế trong những tình huống liên văn hoá, và biết sử dụng những năng lực về tình cảm những như lý trí.). Năng lực liên văn hoá là điều có thể học được đối với những ai sẵn sàng tìm cách để hiểu được hệ thống định hướng của người khác và có quyết tâm đưa cái đó vào mọi hoạt động của mình khi người đó sinh sống trong một môi trường văn hoá khác.*

#### **4. Sự khác nhau giữa người Đức và người Việt Nam đến mức độ nào?**

Để lôi cuốn sự chú ý các khoá học về giao tiếp liên văn hoá ở Đức nhằm làm nổi

bật những khác biệt về văn hoá giữa Đức và Đông Nam Á thông qua những tiêu chuẩn văn hoá. Hầu như chỉ có rất ít những khoá đào tạo về liên văn hoá chuyên về Việt Nam. Một nữ sinh viên cũ của tôi là Jeanette Fothe nhận nhiệm vụ

của GTZ Hà Nội đã xây dựng một đề cương đào tạo[7]. Trong công việc của mình nữ sinh viên này đã sử dụng mô hình tương phản các tiêu chuẩn văn hoá. Fothe đã có những nhận xét như sau về văn hoá Việt Nam và văn hoá Đức :

| Việt Nam  | Đức  |
|---|--|
| Tư duy tổng quát (holistisch)                         | Tư duy loại trừ (hoặc thế này- thế kia)                  |
| Có tính cộng đồng và định hướng theo họ tộc, gia đình | Cá nhân chủ nghĩa  |
| Theo tôn ti trật tự và có tính phục tùng              | [theo tôn ti trật tự và có ý thức tuân thủ pháp luật VH] |
| Thiên về hài hoà, hoà đồng (âm - dương)               | Định hướng xung đột                                      |
| Quan hệ dựa trên tình cảm và tin cậy lẫn nhau         | Quan hệ dựa trên nền tảng công việc                      |
| Giao tiếp gián tiếp (high context)                    | Giao tiếp trực tiếp (low context)                        |
| Giữ thể diện (xấu hổ, ngượng)                         | Tự tôn (lỗi lầm)   |
| Khái niệm về thời gian có tính chất trường biến       | Khái niệm về thời gian có tính chất Monochrones          |

Fothe cũng đề cập đến một số điểm trùng hợp, thí dụ có nhận xét người Việt Nam là "dân Phố ở châu Á", ý nói về sự cần cù chăm chỉ, tính kỷ luật và ý chí kiên cường. So với các dân tộc khác ở ĐNA, người Việt Nam đặc biệt nổi bật ở tính thực dụng, không quá câu nệ trong phép ứng xử và điều này chắc phù hợp với người Đức. Trong tư duy về tôn ti trật tự, tôi nghĩ rằng cũng có nét tương đồng với văn hoá Đức.

Việc làm này nhằm giúp cho người Đức được cử sang làm việc tại Việt Nam nhạy cảm hơn đối với những khác biệt về văn hoá này. Giúp họ tự điều chỉnh cho phù hợp với sự khác biệt, đồng thời qua đó giảm bớt những va chạm trong cuộc sống hàng ngày.

Tuy vậy khi ứng dụng các tiêu chuẩn văn hoá, cần lưu ý đến một loạt yếu tố cơ bản tác động đến mối quan hệ Việt Đức:

Tiêu chuẩn văn hoá là kết tinh thực tế một cách cực đoan. Giữa hai nước có sự khác biệt lớn về tính tình giữa các vùng miền, giữa thành thị và nông thôn, giữa các thế hệ v.v... Ngay giữa những con người với nhau tính tình cũng khác nhau và có thể xoá bỏ những tiêu chuẩn văn hoá nêu trên. Thí dụ giữa người miền bắc và miền nam có những khác biệt lớn hay giữa người Hà Nội và người ở tỉnh Nghệ An nó cũng vậy.

Mô tả sự khác biệt về văn hoá dựa trên những tương phản làm lu mờ sự phân biệt trong thực tế, nó thể hiện rõ hơn sự khác biệt tương đối so với khác biệt tuyệt đối. Cả ở Đức gia đình vẫn có ý nghĩa, người ta vẫn hoan nghênh sự hợp tác hoà thuận về nhau hơn là buộc phải thi hành ý chí cá nhân cấp trên.

Văn hoá là một thể thống nhất và thường phản ánh những xu hướng đối nghịch nhau. Tại Việt Nam quan niệm “có tình” không loại trừ quan niệm “có lý”.

Văn hoá luôn thay đổi. Kể từ khi thi hành chính sách đổi mới, ở Việt Nam đang diễn ra những thay đổi về giá trị nhưng điều đó không đồng nghĩa với việc tây phương hoá mà nó thể hiện sự tiếp thu những ảnh hưởng toàn cầu. Lối sống thiên về tiêu dùng, sự phấn đấu của cá nhân để đạt được một cuộc sống tốt đẹp hơn không lâu nữa sẽ không còn bị đánh giá là làm tổn hại đến nhu cầu của cộng đồng. Sự thâm nhập của kinh tế thị trường và tính cơ động ngày càng mạnh mẽ hơn cũng sẽ làm cho sự gắn bó với gia đình, họ tộc ở Việt Nam ít nhiều bị mai một.

Tại Việt Nam hành vi, thái độ của một người lệ thuộc nhiều vào việc người đó là người “trong cuộc (In-Group)” (trong gia đình, doanh nghiệp) hay là “ngoài cuộc (Out-Group)”. Thí dụ trên đường phố đôi khi người ta chứng kiến nhiều cuộc cãi nhau quyết liệt, những tranh cãi đó dường như không nhằm mục đích để đạt được một sự hoà thuận như người ta nghĩ. Trong một cuộc tranh cãi giữa hai người ngoài cuộc (Out-Group) cũng sẽ không xảy ra nguy cơ bị mất thể diện như khi điều đó diễn ra trong doanh nghiệp, một cuộc tranh cãi giữa lãnh đạo và nhân viên. Ngoài ra trong giao lưu liên văn hoá còn có nhiều cấp cho phép có thể dẫn đến khả năng thích nghi về văn hoá. Trên bình diện cá nhân, khả năng làm việc của con người trong một môi trường văn hoá xa lạ tùy thuộc vào bản thân người đó, điều này lại tùy thuộc vào tri thức và kinh nghiệm ở nước khác và lệ thuộc nhiều vào khả năng thích nghi về

văn hoá. Điều này có ý nghĩa đối với người Đức có mặt tại Việt Nam cũng như ngược lại đối với người Việt Nam sinh sống ở Đức trong một thời gian dài. Ở đây kết tinh một “liên văn hoá”, trong đó người ta không mất đi gốc gác của bản thân mình và cũng không làm mất đi hoàn toàn định hướng cơ bản của mình, nhưng biết tiếp thu những khía cạnh văn hoá của nước mà mình đang sống để từ đó có được một sự giao tiếp thành công giữa con người với nhau ở môi trường này. Kiến thức ngôn ngữ ở nước mà mình đang sinh sống là điều không thể thiếu. Ở bình diện các tổ chức, cơ quan cũng có nhiều mối quan hệ giữa Đức và Việt Nam, nhưng những rào cản cần vượt qua để đạt được một sự giao lưu liên văn hoá hiệu quả hơn cũng lớn hơn. Mỗi cơ quan (tổ chức) có một lịch sử riêng, có lĩnh vực công việc của mình và có một văn hoá cơ quan riêng. Xin nêu một ví dụ, bộ Y tế Đức muốn hợp tác với một bộ tương tự ở Hà Nội, trước sau sẽ nảy sinh những vấn đề về sự khác biệt lớn về chức năng, tổ chức, quy chế và lễ lối làm việc của hai bộ. Trong một chừng mực nhất định, người ta có thể tìm thấy khả năng hợp tác trong khuôn khổ song phương giữa các cơ quan, nhưng trước hết cần phải tìm được điểm cắt chung. Một vấn đề cần nêu ra nữa là trình độ hợp tác đến mức độ nào, mục tiêu để ra là gì và thời gian cần đạt được trong việc hợp tác này là bao nhiêu lâu. Trong việc hợp tác giữa các cơ quan thông qua trao đổi thông tin, tâm vóc những vấn đề về liên văn hoá tăng lên gấp bội bởi vì thiết chế tổ chức của bên này không hoàn toàn khớp với thiết chế tổ chức của bên kia và nó bộc lộ trong quá trình trao đổi. Cơ hội để thích nghi về văn hoá hoặc thậm chí để tạo ra một “liên văn hoá” phải đánh giá là

rất khó có thể xảy ra. Trên bình diện nhà nước mối quan hệ Đức - Việt được thể hiện qua lịch sử của mỗi bên, ngay cả ở đây cũng có những nét tương tự về cơ cấu và hơn nữa còn có mối liên hệ chung trong quá khứ. Những vấn đề này cũng có một vai trò nhất định. Kinh nghiệm chung rút ra từ cuộc chiến tranh kể cả ở Đức cũng như ở Việt Nam có một vai trò quan trọng. Trong cuộc chiến tranh lạnh nước Đức bị chia đôi, trong khi đó Việt Nam trở thành chiến trường giữa Đông và Tây. Nhưng cuộc chiến tranh Đông Dương đã đem lại thắng lợi cho Việt Nam, trong khi Đức là nước mở màn cuộc chiến tranh thế giới II, gây đau thương, tổn thất vô bờ bến và cuối cùng bị thất bại. Trong khi ở Việt Nam ý thức tự hào dân tộc được tăng cường thì Đức phải mất nhiều thập niên để tìm lại được chỗ đứng chính thức của mình trong Cộng đồng châu Âu, điều này còn bị trở ngại do đất nước đến năm 1989 vẫn bị chia cắt. Trong khi đó giữa CHDC Đức và VNDCCH và từ năm 1976 là CHXHCN Việt Nam đã có quan hệ mật thiết với nhau. Lịch sử mối quan hệ này cho đến nay vẫn còn thể hiện ở Berlin - trong hồ sơ ở kho lưu trữ, nhưng trước hết ở cộng đồng đông đảo người Việt Nam đang sinh sống ở Berlin. Đối với Việt Nam thì Đức cũng không bị ám ảnh bởi chủ nghĩa thực dân trước đây, và lại với thời gian thì yếu tố này ngày càng mờ nhạt hơn. Câu hỏi về sự khác nhau giữa người Đức và người Việt nam như thế nào khó có thể trả lời một cách thực sự rõ ràng. Bên cạnh những định hướng khác nhau đòi hỏi cả hai bên phải có năng lực về liên văn hoá, tuy vậy trên bình diện cá nhân, thậm chí cả trên bình diện quốc gia cũng có những điểm giao nhau làm cho sự hợp tác này dễ dàng hơn.

## 5. Những kinh nghiệm bản thân trong giao lưu liên văn hoá với Việt Nam

Trước hết tôi muốn nói với các bạn rằng tôi là người Hà Lan và vì thế kinh nghiệm về liên văn hoá giữa Đức và Việt Nam của tôi có thể là một cách nhìn theo chiều ngang (*Querperspektive*). Mặc dù người Đức và người Hà Lan giống nhau nhưng ở một số khía cạnh lại rất khác nhau. Nhưng ở đây tôi đóng vai trò một giáo sư đại học Đức. Từ năm 1990 và nhất là từ năm 1997 tôi thường xuyên tới Việt Nam. Hoạt động của tôi một mặt dựa trên cơ sở thoả thuận hợp tác đại học, giữa Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU), Đại học Passau và Đại học Humboldt. Mặt khác tôi cũng nhiều lần xuất hiện tại Việt Nam với tư cách là giảng viên được mời trong khuôn khổ giảng dạy ngắn hạn của DAAD và tháng 8. 2004 trong khuôn khổ một khoá học hè do GTZ tổ chức.

Trong các thế hệ sinh viên hiện nay đang theo học về môn DNA tại trường Đại học Humboldt có nhiều sinh viên Đức gốc Việt, các sinh viên đó nghiên cứu chuyên sâu về Việt Nam và ngôn ngữ Việt Nam. Họ muốn đóng góp vào việc mở rộng mối quan hệ về chính trị, kinh tế và văn hoá giữa Đức và Việt Nam, họ cũng rất có khả năng làm cây cầu nối hai nền văn hoá. Ngược lại về phía sinh viên Việt Nam cũng có mong muốn lớn, được học tập ở nước ngoài, trong đó bên cạnh việc theo học ở Mỹ và Australia ngày càng có nhiều người muốn học tập ở châu Âu và nhất là ở Đức vì nền đại học Đức có danh tiếng, hơn nữa cho đến nay vẫn không phải đóng học phí. Trong những năm gần đây, tôi từng hướng dẫn nhiều sinh viên là khách mời từ Việt Nam. Tôi từng hướng dẫn ba giảng viên trường đại học này bảo vệ tiến sĩ ở Đức.

Do tôi bắt đầu nghiên cứu ĐNA từ Indonesia và có nhiều quan hệ và kinh nghiệm với nhiều quốc gia ĐNA nên tôi muốn cuối cùng trình bày về kinh nghiệm của bản thân với Việt Nam và con người Việt Nam. Có một loạt yếu tố mà Việt Nam, so với các nước ĐNA khác, gây ấn tượng đặc biệt đối với tôi. Bên cạnh việc Việt Nam có phong cảnh hữu tình, có nhiều món ăn ngon và con người Việt Nam vui vẻ, sôi nổi, điều gây ấn tượng nhiều nhất đối với tôi là quyết tâm vươn lên. Trong giáo dục đại học điều đó có nghĩa là các sinh viên "của tôi" rất ham học hỏi, rất sẵn sàng phấn đấu vươn lên. Ngoài ra so với đại diện của các nước khác trong khu vực, người Việt Nam có khả năng thích nghi nhanh hơn với môi trường mới và biết tận dụng tích cực môi trường đó. Có một nét tương đồng trong quan hệ của tôi với các sinh viên các nước ĐNA khác, đó là vị trí xã hội cao của tôi, là thầy giáo của sinh viên Việt Nam có quan hệ cá nhân với các sinh viên, họ dành cho tôi một sự tôn trọng và trong khi đó tôi cũng phát huy trách nhiệm của mình, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc sống và học tập của họ.

Trong quan hệ hợp tác về mặt nhà trường, tôi là đại diện cho một trường đại

học ở Đức cũng có những kinh nghiệm hợp tác hết sức tốt đẹp. Ban lãnh đạo nhà trường cũng như các vị lãnh đạo các khoa rất ý thức về tầm quan trọng của mối quan hệ với các trường đại học nước ngoài và rất quan tâm đến vấn đề này. Các trường đại học ở Việt Nam đang ở trong quá trình chuyển đổi, phải phấn đấu để thích ứng với các chuẩn mực quốc tế, vì Việt Nam đang rất nỗ lực mở rộng quan hệ kinh tế trên thị trường thế giới. Điều này đòi hỏi phải có một sự hiểu biết mới, một phần thông qua chuyển giao từ phương tây nhưng điều quan trọng hơn và cần được ưu tiên thúc đẩy là sự cùng nhau giảng dạy và cùng nhau nghiên cứu. Tăng cường trao đổi giảng viên và học viên là một công cụ thích hợp. Chính vì thế trong các chuyến viếng thăm Hà Nội của tôi, cửa phòng của tôi luôn rộng mở. Tất nhiên ở đây cũng có chuyện, giờ đây tôi đã trở thành một con người được nhiều quan chức biết đến, vì thế đã có nhiều buổi tiệc tùng với "bầu không khí tốt đẹp" và tin cậy lẫn nhau. Tính định hướng và tính thực dụng về phía Việt nam tỏ ra rất hữu ích trong khi đó về phần mình, đến giờ tôi vẫn có cảm giác rất gắn bó với Việt Nam.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A.L. Kroeber & C. Kluckhohn, *Culture: a Critical Review of Concepts and Definitions*, Cambridge Mass, 1952.
2. A.L. Kroeber, *Configurations of Culture Growth*, Berkeley, 1969.
3. Alexander Thomas, Eva-Ulrike Kinast u.a, (Hrsg.): *Handbuch Interkulturelle Kommunikation und Kooperation*, 2 Teile, Göttingen: Vandenhoeck & Ruprecht, 2003.
4. Alexander Thomas, *Kulturstandards in der internationalen Begegnung*, Saarbrücken: Breitenbach, 1991.
5. Clifford Geertz, *The Interpretation of Cultures: Selected Essays*, New York: Basic books, 1973.



6. Horst Kopp, (ed.), *Area Studies, Business and Culture*, Mynster - Hamburg - London, LIT, 2003.
7. Jeanette Fothe, *Wahrnehmung, Denken und Verhalten der Vietnamesen und ihre Wurzeln - Vietnamesen und Deutsche im Vergleich*, GTZ Bericht Hanoi, 2004.
8. K. Knapp & A. Knapp-Pothoff, *Interkulturelle Kommunikation*, in: *Zeitschrift für Fremdsprachenforschung* 1/1, 1990, tr. 62-93.
9. Vincent J.H. Houben, Steffel Henkel, Claudia Rupert, *Economic Culture and Business Cooperation in Southeast Asia, Exemplified by Indonesia and Singapore*, in: Kopp 2003, tr. 383-396.

VNU JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., HUMAN, T.XXI, N<sub>o</sub>1, 2005

## **INTERCULTURAL COMMUNICATION - SOME FUNDAMENTAL CONCEPTS FOR GERMAN - VIETNAMESE RELATIONS**

**Prof. Dr. Vincent J.H.Houben**

*Humboldt University*

This essay first tries to clarify some fundamental concepts with regard to culture and cultural standards and then with a theoretical discussion of what intercultural communication means. Various levels and strategies to cope with cultural difference and outlined. In the second part of this contribution and evaluation of German-Vietnamese intercultural contacts is undertaken by using contrasting cultural standard but at the same time illustrating that these have to be refined since they are relative according to the context and nature of interaction. Finally, a comment is made on the personal experience of the author with regard to university cooperation between Germany and Vietnam.